

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2017/DS-ST**

Ngày: 22-9-2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

2. Bà **Dương Thị Kim Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2016/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2016 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2017/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 21/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Huy K**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Sơn L**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: A14/8 Đường D, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 17/8/2016 tại văn phòng công chứng Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Phan Thiên V** – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 72 Đường I, khu phố 3, phường H, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Đức M**, sinh năm: 1967

2.2. Bà **Nguyễn Thị Yên L**, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: C2/15 Đường K, khu phố 3, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh

(Ông L, ông Vượng có mặt; Ông M, Bà L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2015 của Ông Trần Huy K và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ông K là Ông Nguyễn Sơn L trình bày:

Ông Nguyễn Đức M và Ông Trần Huy K có mối quan hệ quen biết trong kinh doanh. Do cần tiền trong việc làm ăn kinh doanh cho nên ngày 13/02/2012 Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yên L (vợ Ông M) có ký hợp đồng vay của Ông Trần Huy K số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Hợp đồng vay tiền có lập văn bản. Để làm tin, Ông M, Bà L thế chấp cho Ông K (01) một bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở tại số C2/15 Đường K, khu phố 3, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông M, Bà L. Sau khi ký giấy vay tiền, Ông K đã giao đủ số tiền 500.000.000 đồng cho Ông M, Bà L. Ông M có ký đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng vào mặt sau của giấy vay nợ.

Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất. Các bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 03 tháng, theo mức lãi suất của ngân hàng nhà nước. Đến hạn trả nợ, mặc dù Ông K nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng Ông M và Bà L không chịu trả số tiền đã vay cho Ông K. Ông K khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yên L, cùng nhau có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng đã vay cho Ông K và phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là 09%/năm, kể từ ngày vay cho đến ngày 13/9/2017, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi cho đến khi hoàn tất việc trả nợ. Ngay khi Ông M, Bà L trả hết số tiền nợ thì Ông K hoàn trả cho Ông M, Bà L giấy tờ thế chấp là 01 (một) một bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở tại số C2/15 Đường K, khu phố 3, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông M, Bà L.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Sơn L là người đại diện hợp pháp của Ông Trần Huy K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - ông Phan Thiên Vượng trình bày:

Tại bản tự khai ngày 08/9/2016 Ông Nguyễn Đức M cho rằng có nhận của Ông K số tiền 500.000.000 đồng nhưng là để hợp tác kinh doanh, các bên thỏa thuận lời và lỗ đều chia tỷ lệ 50/50 nhưng Ông M không xuất trình được chứng cứ thể hiện giữa cá nhân Ông M và Ông K thỏa thuận số tiền vay trên sử dụng vào mục đích kinh doanh. Do đó, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định lời trình bày của Ông Nguyễn Đức M tại bản tự khai ngày 08/9/2016 là không có căn cứ.

Căn cứ giấy vay nợ ngày 13/02/2012 và lời thừa nhận của Ông M có cơ sở xác nhận ngày 13/02/2012 Ông M, Bà L có vay và đã nhận của Ông K số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). việc Ông M sử dụng số tiền vay trên vào mục đích gì nằm ngoài sự kiểm soát của Ông K. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm hoàn trả cho Ông K số tiền vốn góp 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày vay 13/02/2012 đến ngày 13/9/2017 theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định và chịu lãi phát sinh cho đến khi hoàn tất việc trả nợ.

Ngay khi Ông M, Bà L trả hết số tiền nợ thì Ông K hoàn trả cho Ông M, Bà L giấy tờ thể chấp là 01 (một) một bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở tại số C2/15 Đường K, khu phố 3, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông M, Bà L.

Tại bản tự khai ngày 08/9/2016, bị đơn Nguyễn Đức Minh trình bày:

Ngày 13/02/2012 ông và Ông Trần Huy K có hợp tác kinh doanh để san lấp mặt bằng nhà máy nhiệt điện M, xã N, huyện O, tỉnh Sóc Trăng theo phương thức lời ăn lỗ chịu theo tỷ lệ 50/50, mỗi bên góp 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Do ông không có số tiền 250.000.000 đồng để góp vốn nên Ông K đã bỏ số tiền này góp vốn thay ông. Để Ông K tin tưởng, ông ký giấy vay nợ cho Ông K với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo giấy vay nợ lập ngày 13/02/2012 và thế chấp cho Ông K 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do ông và Bà Nguyễn Thị Yến L là vợ của ông đứng tên. Sau khi nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Ông K, ông đưa số tiền trên cho ông Võ Văn Thanh (ông Thanh là đơn vị thi công nhà máy nhiệt điện M, xã N, huyện O, tỉnh Sóc Trăng) để đảm bảo

ông Thanh sẽ giao kết hợp đồng thi công (san lấp) với ông và giao cho ông thực hiện. Sau khi giao số tiền 500.000.000 đồng cho ông Thanh thì ông phát hiện ông Thanh đã ký hợp đồng với đơn vị khác. Ông đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Thanh không trả, hiện tại ông Thanh đã bỏ trốn và không trả cho ông số tiền trên.

Ông xác định, chữ ký của Bà L trong giấy vay tiền ngày 13/02/2012 là ông ký. Bà L không liên quan gì tới số tiền vay trong giấy vay nợ ngày 13/02/2012 nêu trên. Ông là người trực tiếp nhận số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) từ Ông K.

Nay Ông K khởi kiện yêu cầu ông và Bà L có trách nhiệm trả cho Ông K số tiền 500.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo như thỏa thuận. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Yến L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, **đại diện Viện kiểm sát** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Theo nội dung giấy vay nợ lập ngày 13/02/2012 được ký giữa Ông Trần Huy K với Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L thì Ông M, Bà L có vay của Ông K số tiền 500.000.000 đồng và thỏa thuận lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Cũng theo giấy vay nợ này thì Ông M đã ký nhận đủ của Ông K số tiền 500.000.000 đồng. Ông K nhiều lần yêu cầu Ông M, Bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Ông M, Bà L không thực hiện.

Ông M cho rằng không vay của Ông K số tiền 500.000.000 đồng, số tiền này là do đôi bên cùng nhau hợp tác làm ăn theo hợp đồng liên doanh. Tuy nhiên Ông M không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh cho việc hợp tác, hùn vốn kinh doanh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L trả cho Ông Trần Huy K số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 13/02/2012 đến ngày 13/09/2017 theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ông Trần Huy K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L. Theo kết quả xác minh ngày 26/6/2014 của Công an thị trấn E, huyện F xác nhận Bà Nguyễn Thị Yến L và Ông Nguyễn Đức M có cư trú tại địa chỉ C2/15 Đường K, khu phố 3, thị trấn E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông M và Bà L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Theo trình bày của nguyên đơn Ông Trần Huy K và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa thì ngày 13/02/2012 Ông K có cho vợ chồng ông Nguyễn Đức Minh và Bà Nguyễn Thị Yến L vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn vay ba tháng. Việc vay tiền Ông M và Bà L có làm giấy vay nợ do Bà L, Ông M ký tên nhưng đến hạn trả nợ Ông M và Bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay như cam kết. Ông M xác nhận ngày 13/02/2012 ông có ký giấy vay và nhận của Ông K số tiền 500.000.000 đồng như Ông K trình bày.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án Ông M cho rằng Bà L không tham gia giao dịch nhận tiền và chữ ký mang tên Bà L trên giấy vay tiền ngày 13/02/2012 là do Ông M ký. Bà Nguyễn Thị Yến L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Ông Trần Huy K nhưng Bà L không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không có lý do. Bà L đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[7] Theo “giấy vay nợ” đề ngày 13/02/2012 thể hiện ngày 13/02/2012 Ông M có ký giấy vay và đã nhận của Ông K số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tại bản tự khai ngày 08/9/2016 Ông M xác nhận ngày 13/02/2012 có ký giấy vay tiền của Ông K và nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Ông K. Tuy nhiên, Ông M cho rằng số tiền này là tiền vốn góp kinh doanh nhưng không có chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ và lời thừa nhận của Ông M có cơ sở xác định ngày 13/02/2012 Ông M, Bà L có vay của ông Trần Huy Kinh số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất theo quy định của Ngân hàng Việt Nam, không thời hạn.

[8] Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng*”.

[9] Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[10] Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”.

[11] Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*”

[12] Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 đến nay là 9%/năm (tức 0,75%/tháng) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định nêu trên để xác định lãi suất quá hạn là 9%/năm. Do đó, lãi phát sinh được tính từ ngày 13/02/2012 đến ngày 13/9/2017 như sau: 500.000.000 đồng x 9% năm x 60 tháng = 251.250.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

[13] Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi suất ông Nguyễn Văn Minh, Bà Nguyễn Thị Yến L phải trả cho ông Ông Trần Huy K là 751.250.000 đồng (bảy trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

[14] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm trả cho Ông Trần Huy K số tiền 751.250.000 đồng (bảy

trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó vốn gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 13/9/2017 là 251.250.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[15] Nếu Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì Ông M, Bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[16] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay trên, Ông M và Bà L có thể chấp cho Ông K 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 1347/2009/UB-GCN ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yến L để làm tin. Do đó, Ông Trần Huy K có nghĩa vụ hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 1347/2009/UB-GCN ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yến L ngay khi Ông M và Bà L hoàn tất việc trả nợ.

[17] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể, Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L phải chịu 34.050.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Huy K đối với Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yến L.

2. Buộc ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yến L có trách nhiệm liên đới trả cho Ông Trần Huy K số tiền nợ gốc và lãi là 751.250.000 đồng (bảy trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó vốn gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và lãi phát sinh tính đến ngày 13/9/2017 là 251.250.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Nếu ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì Ông M, Bà L phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Trần Huy K có nghĩa vụ hoàn trả 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang số hồ sơ gốc 1347/2009/UB-GCN ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ông Nguyễn Đức M và Bà Nguyễn Thị Yến L ngay khi Ông M và Bà L hoàn tất việc trả nợ.

5. Hủy giấy vay nợ lập ngày 13/02/2012 giữa Trần Huy Kính với Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L.

6. Về án phí:

6.1. Ông Nguyễn Đức M, Bà Nguyễn Thị Yến L chịu 34.050.000 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Hoàn lại cho Ông Trần Huy K số tiền tạm ứng án phí 16.800.000 (mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng) mà Ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/03294 ngày 19/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Duy Linh